

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,056,721,567,564	918,390,341,297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38,500,303,748	21,224,871,247
1. Tiền	111		38,500,303,748	21,224,871,247
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		465,197,742,261	353,931,476,954
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	311,527,970,534	233,349,672,848
2. Trả trước cho người bán	132		77,955,489,934	88,740,702,214
6. Các khoản phải thu khác	136	V.3	80,026,053,677	36,152,873,776
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4,311,771,884)	(4,311,771,884)
IV. Hàng tồn kho	140		545,619,872,156	541,089,191,057
1. Hàng tồn kho	141	V.4	545,711,314,013	541,180,632,914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(91,441,857)	(91,441,857)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,403,649,399	2,144,802,039
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,096,782,846	1,536,031,228
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		388,229,127	429,025,470
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		422,291,544	179,745,341
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		5,496,345,882	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		387,351,247,309	374,016,828,658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,200,997,787	1,753,832,787
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	215	V.3	2,200,997,787	1,753,832,787
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		322,651,396,333	322,000,116,132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	242,222,266,296	242,648,002,633
<i>Nguyên giá</i>	222		383,387,542,907	380,275,582,345
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(141,165,276,611)	(137,627,579,712)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	78,633,439,619	78,015,945,691
<i>Nguyên giá</i>	225		110,188,867,597	102,102,310,246
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(31,555,427,978)	(24,086,364,555)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,795,690,418	1,336,167,808
<i>Nguyên giá</i>	228		2,830,325,383	2,190,109,854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,034,634,965)	(853,942,046)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	3,148,041,168	3,148,041,168
<i>Nguyên giá</i>	231		3,421,783,900	3,421,783,900
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(273,742,732)	(273,742,732)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	46,579,623,994	34,302,490,280
Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng dở dang	242		46,579,623,994	34,302,490,280
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		12,771,188,027	12,812,348,291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12,771,188,027	12,812,348,291
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,444,072,814,873	1,292,407,169,955

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		836,098,383,594	704,680,617,764
I. Nợ ngắn hạn	310		704,847,883,711	584,765,126,634
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.17	413,547,792,131	391,562,903,498
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		141,297,573,481	96,105,547,082
3. Người mua trả tiền trước	313		61,380,787,273	41,380,168,791
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	12,290,274,136	10,348,526,072
5. Phải trả người lao động	315		2,338,084,295	3,274,908,730
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	444,106,160	374,058,080
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện	319	V.16	-	84,351,312
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	320	V.15	66,703,363,527	34,788,760,361
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	278,095,550	278,095,550
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	6,567,807,158	6,567,807,158
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		131,250,499,883	119,915,491,130
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	332	V.20	362,392,459	-
7. Phải trả dài hạn khác	336	V.15	226,981,091	256,981,091
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.17	130,661,126,333	119,658,510,039
9. Trái phiếu chuyển đổi	338	V.18	-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		607,974,431,279	587,726,552,191
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	607,974,431,279	587,726,552,191
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		493,286,910,000	493,286,910,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8,021,921,439	8,021,921,439
4. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	414		(8,060,000)	(8,060,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	417		28,495,659,925	28,495,659,925
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10,057,193,444	10,057,193,444
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		68,120,806,471	47,872,927,383
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,444,072,814,873	1,292,407,169,955

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền Trang

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

CHỈ TIÊU

	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Đơn vị tính: VND	
			Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	382,016,656,285	354,202,690,826	382,016,656,285	354,202,690,826
2.	02	Các khoản giảm trừ doanh thu				-
3.	10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	382,016,656,285	354,202,690,826	382,016,656,285	354,202,690,826
4.	11	Giá vốn hàng bán	340,755,592,214	324,662,351,770	340,755,592,214	324,662,351,770
5.	20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41,261,064,071	29,540,339,056	41,261,064,071	29,540,339,056
6.	21	Doanh thu hoạt động tài chính	313,853,643	194,636,925	313,853,643	194,636,925
7.	22	Chi phí tài chính	10,783,434,965	7,219,470,033	10,783,434,965	7,219,470,033
	23	Trong đó: chi phí lãi vay	9,945,650,858	6,817,772,877	9,945,650,858	6,817,772,877
8.	24	Chi phí bán hàng	2,794,198,960	3,305,425,358	2,794,198,960	3,305,425,358
9.	25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,972,486,419	4,964,854,732	4,972,486,419	4,964,854,732
10.	30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23,024,797,370	14,245,225,858	23,024,797,370	14,245,225,858
11.	31	Thu nhập khác	8,797,222,639	4,820,735,601	8,797,222,639	4,820,735,601
12.	32	Chi phí khác	8,540,961,748	4,346,858,062	8,540,961,748	4,346,858,062
13.	40	Lợi nhuận khác	256,260,891	473,877,539	256,260,891	473,877,539
14.	50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,281,058,261	14,719,103,397	23,281,058,261	14,719,103,397

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

CHỈ TIÊU

Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,809,539,373	1,645,947,969	2,809,539,373	1,645,947,969
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20,471,518,888	13,073,155,428	20,471,518,888	13,073,155,428
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	489	312	489	312

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền Trang

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
CHỈ TIÊU					
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
01	1. Lợi nhuận trước thuế	23,281,058,261	14,719,103,397	23,281,058,261	14,719,103,397
02	- Khấu hao tài sản cố định	22,436,857,131	6,982,067,038	22,436,857,131	6,982,067,038
03	- Các khoản dự phòng	-	(285,000,000)	-	(285,000,000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(401,697,156)	-	(401,697,156)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	-	(504,302,925)	-	(504,302,925)
06	- Chi phí lãi vay	9,945,650,858	6,817,772,877	9,945,650,858	6,817,772,877
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	55,663,566,250	27,327,943,231	55,663,566,250	27,327,943,231
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(99,778,226,910)	23,545,031,474	(99,778,226,910)	23,545,031,474
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(4,530,681,099)	(1,984,097,727)	(4,530,681,099)	(1,984,097,727)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả	98,067,868,444	(63,068,773,506)	98,067,868,444	(63,068,773,506)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	480,408,646	618,084,480	480,408,646	618,084,480
13	- Tiền lãi vay đã trả	(9,945,650,858)	(6,817,772,877)	(9,945,650,858)	(6,817,772,877)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3,405,148,389)	(305,000,000)	(3,405,148,389)	(305,000,000)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(567,127,888)	-	(567,127,888)
20		36,552,136,084	(21,251,712,813)	36,552,136,084	(21,251,712,813)
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh					
21	1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(24,115,867,156)	(49,684,364,668)	(24,115,867,156)	(49,684,364,668)
22	2. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
27	3. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
27	7. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các tài sản dài hạn khác	313,853,643	-	313,853,643	-
30		(23,802,013,513)	(49,684,364,668)	(23,802,013,513)	(49,684,364,668)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Mã Thuyết số minh	CHỈ TIÊU	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
31	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		19,944,890,000	-	19,944,890,000
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu			-	
	2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	253,671,280,543	204,570,807,791	253,671,280,543	204,570,807,791
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(236,563,319,600)	(97,252,910,538)	(236,563,319,600)	(97,252,910,538)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	(3,903,126,513)	(50,724,206,792)	(3,903,126,513)	(50,724,206,792)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(8,679,524,500)	(19,944,890,000)	(8,679,524,500)	(19,944,890,000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>4,525,309,930</i>	<i>56,593,690,461</i>	<i>4,525,309,930</i>	<i>56,593,690,461</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	17,275,432,501	(14,342,387,020)	17,275,432,501	(14,342,387,020)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	21,224,871,247	36,499,044,560	21,224,871,247	36,499,044,560
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	38,500,303,748	22,156,657,540	38,500,303,748	22,156,657,540

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dương

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Q1/2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền Trang



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên thành **493.286.910.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi ba tỷ, hai trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm mười ngàn đồng chẵn) và vốn điều lệ thay đổi đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 13/02/2018.

Đến thời điểm 31/12/2017, tổng số cổ phần là: 49.328.691 cổ phần;

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Mã cổ phiếu: DAG

Sàn giao dịch: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;

Trụ sở công ty: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam	Lĩnh vực sản xuất công nghiệp	100%	100%	100%
Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam	Lô 1 - CN 5 Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và thương mại	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Lô số 36 KCN Tân Tạo, Đường Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP Hồ Chí Minh	Lĩnh vực công nghiệp, thương mại	100%	100%	100%
---------------------------------	---	-------------------------------------	------	------	------

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Trong đó:

- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ, cụ thể như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

• Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 để sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013 và 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

06 - 10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 08

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 để sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013 và 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 đến 8 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (Năm)

Phương tiện vận tải

06

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng nhà máy tại Hà Nam được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

12. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

13. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ với công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

15. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là phí kiểm toán phải trả, là chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm 25/12/2017, Công ty đã thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ cho thuê văn phòng chưa thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh, được các tổ chức chức, các nhân biểu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp có liên quan đến các tài sản được biểu tặng.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu lắp đặt hệ thống cửa và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý tài sản, phế liệu và các khoản thu nhập khác.

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động lắp đặt cửa được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

23.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 10% đối với doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, không chịu thuế với doanh thu từ tiền lãi vay cho các công ty con.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

01/01/2018

31/03/2018

Tiền mặt	32,812,255,746	515,409,985
Tiền gửi ngân hàng	5,688,048,002	20,709,461,262
Tổng cộng	38,500,303,748	21,224,871,247

2. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

31/03/2018

01/01/2018

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	311,527,970,534	3,508,771,884	233,349,672,848	3,508,771,884
Công ty TNHH V& H Việt Nam	68,144,814,985		100,277,165,603	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	26,120,535,599		37,840,150,772	
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	10,827,958,642		39,975,772,498	
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và Hóa chất Hoàng Nam	2,960,574,971			
Các đối tượng khác	203,474,086,337	3,508,771,884	55,256,583,975	3,508,771,884
b) Dài hạn	0	0	0	0
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	0	0		0
Cộng	311,527,970,534	3,508,771,884	233,349,672,848	3,508,771,884

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**3. Trả trước cho người bán**

Đơn vị tính: VND

31/03/2018

01/01/2018

Ngắn hạn

Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đông Á	23,829,632,165	23,829,632,165
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh		9,595,289,976
Công ty TNHH Vật liệu và hóa chất Hoàng Nam	33,641,670,648	28,095,058,041
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng	1,969,465,410	1,969,465,410
Các đối tượng khác	18,514,721,711	27,220,722,032
Cộng	77,955,489,934	90,710,167,624

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
a. Ngắn hạn	77,825,055,890		36,152,873,776	
Phải thu khác	77,825,055,890		29,610,194,820	
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	4,637,949,417		7,340,580,012	
Các đối tượng khác	73,187,106,473		22,269,614,808	
Tạm ứng	0		0	
Nguyễn Bá Hùng (*)				
Các đối tượng khác				
Cầm cố ký cược ký quỹ			6,542,678,956	
b. Dài hạn	2,200,997,787		1,753,832,787	
Cầm cố ký cược ký quỹ	2,200,997,787		1,753,832,787	
Tổng cộng	80,026,053,677	-	37,906,706,563	0

5. Nợ xấu

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: VND			
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a) Phải thu khách hàng	5,342,738,422	1,971,169,360	4,815,551,081	1,306,779,197
CN Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp - XN Số 5	286,568,360		286,568,360	
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex- Dự án Chợ Mơ	1,562,831,454	1,233,982,018	1,762,831,455	1,233,982,018
Công ty CP Xây dựng số 2 Vinaconex	228,113,784	228,113,784		
Công ty CP Đầu tư phát triển kỹ nghệ và Xây lắp Hoàng Mai	209,992,881	209,992,881		
CN Công ty CP Xây dựng số 15	299,080,677	299,080,677		
CN Xây lắp & Mộc nội thất - Công ty CP Xây dựng Số 1 Hà Nội	540,964,459		540,964,459	
Công ty CP Thiết bị tự động hoá AMC	354,495,530		354,495,530	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng An Lập Thành	1,301,231,937		1,301,231,937	
Công ty CP Sản xuất thương mại XNK Minh Ngọc	232,657,262		242,657,262	72,797,179
Các đối tượng khác	326,802,078		326,802,078	
b) Trả trước cho người bán	589,838,420	0	803,000,000	
Guangxi Pingxiang Yingtai	589,838,420	0	803,000,000	
Tổng cộng	5,932,576,842	1,971,169,360	5,618,551,081	1,306,779,197
6. Hàng tồn kho	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	199,208,111,730		215,123,187,440	
Công cụ, dụng cụ	59,074,517		222,057,231	
Chi phí SXKD DD	14,919,258,549		16,361,681,269	
Thành phẩm	121,744,102,783	91,441,857	105,089,834,546	91,441,857
Hàng hóa	209,992,216,111		204,383,872,428	
Tổng cộng	545,922,763,690	91,441,857	541,180,632,914	91,441,857

Tại ngày 31/03/2018, hàng tồn kho với giá trị là 130.000.000.000 VNĐ đã được sử dụng để thế chấp các khoản vay tại ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2018	185,555,603,286	174,636,757,174	17,681,514,161	2,401,707,724	380,275,582,345
Mua trong kỳ		11,350,485,009			11,350,485,009
Đầu tư XD/CB hoàn thành					-
Tăng khác					-
Chuyển sang BDS đầu tư		(8,238,524,447)			(8,238,524,447)
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác (*)					-
Số dư cuối kỳ	185,555,603,286	177,748,717,736	17,681,514,161	2,401,707,724	383,387,542,907
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2018	38,232,155,163	82,036,156,007	15,529,427,436	1,829,841,106	137,627,579,712
Khấu hao trong kỳ	1,171,086,915	2,264,921,246		101,688,738	3,537,696,899
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác (*)					-
Số dư cuối kỳ	39,403,242,078	84,301,077,253	15,529,427,436	1,931,529,844	141,165,276,611
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 01/01/2018	147,323,448,123	92,600,601,167	2,152,086,725	571,866,618	242,648,002,633
Số dư tại ngày 31/03/2018	146,152,361,208	93,447,640,483	2,152,086,725	470,177,880	242,222,266,296

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

8. Tăng, giảm Tài sản thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2018	101,462,094,717	640,215,529	102,102,310,246
Thuê tài chính trong năm	8,086,557,351		8,086,557,351
Giảm khác (*)			0
Số dư ngày 31/03/2018	109,548,652,068	640,215,529	110,188,867,597
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2018	23,796,391,698	289,972,857	24,086,364,555
Khấu hao trong năm	7,469,063,423		7,469,063,423
Tăng khác			0
Giảm khác (*)			0
Số dư ngày 31/03/2018	31,265,455,121	289,972,857	31,555,427,978
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	77,665,703,019	350,242,672	78,015,945,691
Tại ngày 31/03/2018	78,283,196,947	350,242,672	78,633,439,619

(*) Giảm khác là chuyển sang TSCĐ hữu hình.

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	2,830,325,383	2,830,325,383
Mua trong năm		0
Số dư ngày 31/03/2018	2,830,325,383	2,830,325,383
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2017	853,942,046	853,942,046
Khấu hao trong năm	180,692,919	180,692,919
Số dư ngày 31/03/2018	1,034,634,965	1,034,634,965
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	1,976,383,337	1,976,383,337
Tại ngày 31/03/2018	1,795,690,418	1,795,690,418

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 387.972.800 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	1/1/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2018
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	3,421,783,900	0	0	3,421,783,900
Quyền sử dụng đất	3,421,783,900	0	0	3,421,783,900
Giá trị hao mòn lũy kế	293,659,648	0	0	293,659,648
Quyền sử dụng đất	293,659,648	0	0	293,659,648
Giá trị còn lại	3,128,124,252	0	0	3,128,124,252
Quyền sử dụng đất	3,128,124,252	0	0	3,128,124,252

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/09/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/09/2017 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tồn thất do suy giảm giá trị là chi phí khấu hao Bất động sản đầu tư từ những năm trước, Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

Từ năm 2015 Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Giá trị còn lại cuối kỳ của Bất động sản đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.920.646.652 VND

11. Tài sản dở dang dài hạn

31/03/2018

01/01/2018

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng nhà xưởng	31,452,468,780	27,943,956,018
Mua sắm tài sản cố định	14,816,888,264	6,048,267,312
Công trình sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	310,266,950	310,266,950
Cộng	46,579,623,994	34,302,490,280

12. Chi phí trả trước

Đơn vị tính: VND

	31/03/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn		
Cộng cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1,096,782,846	1,536,031,228
Chi phí bảo hiểm cháy nổ		
b) Dài hạn		
Cộng cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	12,771,188,027	12,812,348,291
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	4,046,541,083	3,721,775,146
	8,724,646,944	9,090,573,145
Tổng cộng	13,867,970,873	14,348,379,519

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	141,297,573,481	141,297,573,481	46,381,403,703	46,381,403,703
Công ty TNHH Thương Mại Phú Đức	2,845,549,365	2,845,549,365		
Jampoo Union Corp	21,348,704,250	21,348,704,250	43,853,114,570	43,853,114,570
Hangzhou H.D.L New Material Co	678,366,684	678,366,684	678,366,684	678,366,684
Công ty TNHH Thương Mại DV Hùng Phát	448,168,767	448,168,767	516,343,314	516,343,314
Itochu Corporation	2,541,740,935	2,541,740,935	1,333,579,135	1,333,579,135
Các đối tượng khác	113,435,043,480	113,435,043,480		
b) Dài hạn	0	0	0	0
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	0	0		
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0	0		
Tổng cộng	141,297,573,481	141,297,573,481	46,381,403,703	46,381,403,703

14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2018
	a) Phải nộp			
Thuế xuất nhập khẩu	59,173,765	704,002,997	763,176,762	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	960,440,473	4,606,573,384	5,128,089,975	438,923,882
Thuế TNDN	9,098,347,505	2,809,539,373	300,000,000	11,607,886,878
Thuế thu nhập cá nhân	227,265,682	22,007,886	5,810,192	243,463,376
Thuế nhà đất, tiền thuê đất				0
Các loại thuế khác				0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3,298,647		3,298,647	0
Cộng	10,348,526,072	8,142,123,640	6,200,375,576	12,290,274,136

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2018
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				0
Thuế xuất nhập khẩu			419,291,544	419,291,544
Thuế TNDN	176,745,341	176,745,341		0
Các loại thuế khác	3,000,000			3,000,000
Cộng	179,745,341	176,745,341	419,291,544	422,291,544
15. Chi phí phải trả				<i>Đơn vị tính: VND</i>
			31/03/2018	01/01/2018
			VNĐ	VNĐ
Trích trước chi phí kiểm toán			175,000,000	175,000,000
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam				170,048,080
Các khoản khác			269,106,160	29,010,000
Tổng cộng			444,106,160	374,058,080
16 Phải trả khác				<i>Đơn vị tính: VND</i>
			31/03/2018	01/01/2018
			VNĐ	VNĐ
a) Ngắn hạn			66,703,363,527	34,788,760,361
Kinh phí công đoàn;			1,106,500,963	1,020,833,170
Bảo hiểm xã hội; BHYT			804,960,890	834,476,998
Các khoản phải trả, phải nộp khác.			64,791,901,674	32,933,450,193
b) Dài hạn			256,981,091	256,981,091
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			256 981 091	256,981,091
Tổng cộng			66,960,344,618	35,045,741,452
16. Doanh thu chưa thực hiện			31/03/2018	01/01/2018
			VNĐ	VNĐ
a) Ngắn hạn			0	84,351,312
Nhận trước tiền cho thuê văn phòng				84,351,312
Thu tiền ứng trước của Công ty Cổ phần in số 7 về việc thuê kho				
b) Dài hạn			0	0
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Hà Nội				
Tổng cộng			0	84,351,312

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2018		Trong kỳ		1/1/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	393,432,729,175	393,432,729,175	231,210,745,279	229,340,919,602	391,562,903,498	391,562,903,498
a1) Vay ngắn hạn	393,432,729,175	393,432,729,175	231,210,745,279	229,340,919,602	391,562,903,498	391,562,903,498
(1) Ngân hàng Shinhan Việt Nam						
(2) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	14,327,244,079	14,327,244,079	11,453,522,289	14,815,551,762	17,689,273,552	17,689,273,552
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	36,858,526,689	36,858,526,689	26,815,091,729	63,945,609,445	73,989,044,405	73,989,044,405
(4) Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	3,408,847,875	3,408,847,875	3,408,847,875	18,996,162,373	18,996,162,373	18,996,162,373
(5) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	-	-	-	5,761,634,439	5,761,634,439	5,761,634,439
(6) Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	9,082,176,489	9,082,176,489	12,898,780,106	14,024,957,282	23,107,133,771	23,107,133,771
(7) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sở Giao dịch	33,896,358,346	33,896,358,346	19,760,189,100	17,794,338,861	38,791,917,101	38,791,917,101
(-8) Ngân hàng Shinhan Việt Nam	19,760,189,100	19,760,189,100	19,760,189,100	19,976,644,852	19,976,644,852	19,976,644,852
(9) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	27,019,035,375	27,019,035,375	27,019,035,374	9,721,383,542	9,721,383,543	9,721,383,543
(10) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	-	-	-
(11) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100,250,103,906	100,250,103,906	49,309,024,992	25,119,734,373	76,060,813,287	76,060,813,287
(12) Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	24,852,485,091	24,852,485,091	17,456,822,522	9,774,112,699	17,169,775,268	17,169,775,268

Đơn vị tính: VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

	Đơn vị tính: VNĐ			
17. Vay và nợ thuê tài chính				
(13) Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	34,571,378,683	34,571,378,683	29,457,712,762	23,374,775,220
(14) Ngân hàng CIMB	45,358,698,232	45,358,698,232	6,058,547,853	39,300,150,379
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	16,657,043,474	16,657,043,474	16,657,043,474	
(16) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22,390,641,836	22,390,641,836	3,116,127,203	3,236,014,754
Vay cá nhân	5,000,000,000	5,000,000,000	7,800,000,000	2,800,000,000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	130,993,518,792	130,993,518,792	22,460,535,264	11,125,526,511
<i>b1) Vay dài hạn</i>	<i>75,613,489,747</i>	<i>75,613,489,747</i>	<i>8,741,877,457</i>	<i>7,222,399,998</i>
(17) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	74,992,456,393	74,992,456,393	8,741,877,457	7,140,000,000
(18) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- CN Láng Hạ	318,033,354	318,033,354		32,899,998
(19) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	303,000,000	303,000,000		49,500,000
<i>b2) Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>55,380,029,045</i>	<i>55,380,029,045</i>	<i>13,718,657,807</i>	<i>3,903,126,513</i>
(20) Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	523,600,000	523,600,000	170,400,000	694,000,000
(21) Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	38,889,071,045	38,889,071,045	13,718,657,807	28,009,649,751
(-22) Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Công thương VN	15,967,358,000	15,967,358,000	893,490,000	16,860,848,000
Tổng cộng	524,426,247,967	524,426,247,967	253,671,280,543	240,466,446,113
				511,221,413,537

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (2): Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/16126 ngày 16/12/2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Lãi suất 9,5%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây truyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/13114 ngày 02/08/2013.
- (3): Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2017/7610660/HĐTD ngày 26/09/2017, giá trị hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng trong đó bao gồm cả dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2016/7610660/HĐTD ngày 06/07/2016, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2017, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn thành phố Phú Lý, Hà Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyền số 01/2015/TP/CC-SCC/HĐTC ngày 30/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung giá trị 152,997 tỷ đồng; Xe ô tô Bentley - BKS 29A-398.88 và xe ô tô Fortuner BKS 29A-204.26 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 và các phụ lục sửa đổi bổ sung giá trị 4,1 tỷ đồng.
- (4): Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HN/LO/2016/0042 ngày 14/11/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD được cấp tại Ngân hàng Maybank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Maybank Chi nhánh Hà Nội, lãi suất cho vay đối với LC 0,1%/ tháng, tối thiểu 25 USD, lãi suất cho vay tín thác có LC, cho vay tín thác theo DA/DP với tiền USD là chi phí cấp vốn + 1,5%/năm, với tiền VND là lãi suất cơ bản + 1,5%/năm, lãi suất cho vay thanh toán hóa đơn với USD là chi phí cấp vốn + 1,75%/năm, với VND lãi suất cơ bản + 1,75%/năm, thời hạn cho vay từng lần tối đa là 180 ngày, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản, tài sản đảm bảo là các khoản phải thu của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức, hàng tồn kho của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức.
- (5): Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 55/2016-HĐTDHM/NHCT140-DAG ngày 22/07/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/07/2017, lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng 6,5%/năm, mục đích vay để thanh toán các chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á.
- (6): Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/082017-784 ngày 08/08/2017; giá trị hạn mức tín dụng 45 tỷ đồng; lãi suất theo khế ước nhận nợ từng lần; thời hạn cho vay từng lần tối đa là 6 tháng, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản; tài sản đảm bảo là các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-88 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, hàng hóa theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-89 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 15 tỷ đồng, các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số MA/082017-87 ngày 08/08/2017 giá trị ít nhất 37 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (7): Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01.2017/HỆTDK/DAG ngày 16/11/2017; giá trị hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND; thời hạn cấp tín dụng đến ngày 12/11/2018; lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; mục đích vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Cấp tín dụng tín chấp trong trường hợp DAG còn dư nợ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm, tổng số dư cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sở giao dịch tối đa là 80 tỷ đồng. Tín dụng có tài sản đảm bảo: Trong trường hợp DAG đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 (theo tài liệu năm 2005) tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh..
- (8): Khoản vay Ngân hàng Shinhan Việt Nam theo hợp đồng số 130000446932 ngày 05/07/2016 với thời hạn mức tối đa 20 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động, mở thư tín dụng trả ngay, trả chậm và giải ngân thanh toán thư tín dụng. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30 tỷ đồng và Bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Bá Hùng.
- (9): Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 56/2016-HỆTDHM/NHCT140-TNHH NHUADONGA ngày 22/07/2016 với hạn mức tối đa 30 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán các chi phí mua Nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các loại chi phí hợp lệ khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Lãi suất vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển. Và hợp đồng hạn mức tín dụng số 121/2017- HĐCVHM/NHCT140-NHUADONGA với hạn mức cho vay là 40 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng đến hết ngày 31/12/2018. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 40 tỷ đồng.
- (10): Đã thanh toán hết gốc vay.
- (11): Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng giữa Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 26/09/2017 với hạn mức tối đa là 95 tỷ đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất của khoản vay tùy thuộc vào từng lần nhận nợ.
- (12): Khoản vay theo thư cấp hạn mức tín dụng (hạn mức không cam kết) ngày 08/08/2017 giữa Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Ngân hàng TNHH MTV Standard Việt Nam với hạn mức tín dụng 45 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân từng khoản vay. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay tùy thuộc vào mỗi lần nhận nợ.
- (13): Theo hợp đồng tín dụng hạn mức giữa Ngân hàng Maybank chi nhánh Hà Nội và Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á với hạn mức 4.000.000 USD. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động, lãi suất tùy thuộc vào mỗi lần nhận nợ.
- (14): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức giữa Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam với hạn mức 2.000.000 USD, thời hạn giải ngân vào ngày 02/06/2018, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất tối thiểu 1% mỗi năm cộng với chi phí cấp vốn. Mỗi khoản giải ngân sẽ có kỳ hạn tối đa là 5 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (15): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 57/2016-HỆTDHM/NHCT140-SMARTWINDOW ngày 22/7/2016, hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng, lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm đối với VND áp dụng theo chương trình "Kết nối khách hàng tiềm năng", thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/07/2016, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng, mục đích cho vay để thanh toán các chi phí mua Nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các loại chi phí hợp lệ khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 69/2016-HDDTCHH140-SMARTWINDOW ngày 27/07/2016. Tại thời điểm 31/12/2017, đã thanh toán hết khoản vay này.
- (16): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/7939037/HỆTD ngày 26/09/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội lãi suất cho vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng, mục đích cho vay để thanh toán các chi phí mua Nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các loại chi phí hợp lệ khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê số công chứng 4131 quyền 1- 2015/TP/CC- SCC/HỆTD ngày 30/10/2015 và văn bản sửa đổi bổ sung giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và ngân hàng.
- (17): - Hợp đồng tín dụng số 04/2016/7610660/HỆTD ngày 5/12/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 12,495 tỷ đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay kỳ đầu là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, mục đích vay để đầu tư tài sản cố định gián tiếp - Xây dựng nhà kho, nhà xưởng, cải tạo nhà điều hành văn phòng tại KCN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HỆTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7610660/HỆTD ngày 03/05/2017, giá trị hạn mức tín dụng là 16,1 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay 10,2%/năm áp dụng tới ngày 01/10/2017, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích vay để thanh toán các chi phí phù hợp thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 2 sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ tại KCN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam gồm các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng, hệ thống san nền, đường nội bộ, rãnh nước, đầu tư 02 máy sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ theo biên bản họp hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HỆQT ngày 24/02/2017 (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.
- (18): Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HỆTD ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
- (19): Hợp đồng tín dụng số 84/2016-HỆTD/NHCT140-NHUADONGA ngày 22/09/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 600.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay để thanh toán tiền mua mới xe ô tô tải hiệu Hino Nhật Bản phục vụ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- (20): Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016. Tài sản thuê là 1 xe ô tô 7 chỗ, trị giá gốc tính cho thuê là 1.258.000.000 VND. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 72 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn.
- (21): - Hợp đồng thuê tài chính số 2017-00269-000 ngày 18/12/2017 về việc mua sắm máy trộn nguyên vật liệu, thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê 7,8%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê tài chính bên thuê sẽ cam kết mua lại tài sản cho thuê.
- Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00068-000 ngày 27/4/2017 với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy đùn PVC với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất 8,3%/năm có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán sau mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,3% giá mua.
- (22): Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 8,5%/năm trong 6 tháng đầu, sau 6 tháng được điều chỉnh bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 VND.
- (23): Thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng thuê tài chính số 2016-00177-001 ngày 05/10/2016 với các điều kiện cụ thể như sau: Tài sản thuê: 01 xe ô tô Ford Ranger XLS MT 4x2, 5 chỗ, mới 100%, sản xuất 2016, xuất xứ Thái Lan. Tổng giá trị hợp đồng thuê với nợ gốc là 640.215.529 đồng, trong đó, Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á trả trước 70.100.000 đồng, còn 570.115.529 đồng sẽ được thanh toán theo từng kỳ vào mỗi tháng. Thời hạn thanh toán: 37 tháng kể từ ngày 07/11/2016 đến hết ngày 07/11/2019. Lãi suất thuê từ ngày 07/11/2016 là 7,5%/năm trên cơ sở giả định một năm có 360 ngày. Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 384.875.483 đồng, số dư nợ gốc này là toàn bộ nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

19. Vốn chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2017	398,900,000,000	8,021,921,439	(2,100,000)	58,359,779,808	465,279,601,247
Tăng vốn trong năm nay	40,886,910,000	-	(5,965,500)	(40,886,910,000)	(5,965,500)
Tăng vốn từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	53,500,000,000	-	-	-	53,500,000,000
Lãi trong năm nay	-	-	-	59,287,450,320	59,287,450,320
Trích lập các quỹ	-	-	-	(7,945,367,244)	(7,945,367,244)
Cổ tức chi trả	-	-	-	(20,942,025,500)	(20,942,025,500)
Tăng khác	-	-	5,500	-	5,500
Giảm khác	-	-	-	(1)	(1)
Số dư tại ngày 01/01/2018	493,286,910,000	8,021,921,439	(8,065,500)	47,872,927,383	549,173,698,822
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	20,471,518,888	20,471,518,888
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Cổ tức chi trả	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(223,634,300)	(223,634,300)
Số dư tại ngày 31/03/2018	493,286,910,000	8,021,921,439	(8,065,500)	68,120,811,971	569,421,577,910

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	31/03/2018	01/01/2018
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	105,341,586,000	105,341,586,000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	132,655,740,000	132,655,740,000
Cổ đông khác	255,289,584,000	255,289,584,000
Tổng cộng	493,286,910,000	493,286,910,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		398,900,000,000
Vốn góp đầu kỳ		
Vốn góp tăng trong kỳ		19,944,890,000
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ		418,844,890,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		28,624,414,500

d) Cổ phiếu

31/03/2018

01/01/2018

Cổ phiếu

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49,328,691	49,328,691
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu phổ thông	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	806	806
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	806	806
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu phổ thông	49,327,885	49,327,885
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	0	
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2018	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/03/2018
Quỹ đầu tư phát triển	28,495,659,925			28,495,659,925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10,057,193,444			10,057,193,444
Tổng cộng	38,552,853,369	0	0	38,552,853,369

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2018	01/01/2018
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	105,341,586,000	105,341,586,000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	132,655,740,000	132,655,740,000
Cổ đông khác	255,289,584,000	255,289,584,000
Tổng cộng	493,286,910,000	493,286,910,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		398,900,000,000
Vốn góp đầu kỳ		
Vốn góp tăng trong kỳ		19,944,890,000
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ		418,844,890,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		28,624,414,500

d) Cổ phiếu

	31/03/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49,328,691	49,328,691
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu phổ thông	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	806	806
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	806	806
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49,328,691	49,328,691
- Cổ phiếu phổ thông	49,327,885	49,327,885
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	0	
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2018	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/03/2018
Quỹ đầu tư phát triển	28,495,659,925			28,495,659,925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10,057,193,444			10,057,193,444
Tổng cộng	38,552,853,369	0	0	38,552,853,369

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế, được đơn vị trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	244,804,148,469	223,789,112,120
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	1,064,236,472	950,619,264
Doanh thu bán hàng hóa	136,148,271,344	129,462,959,442
Doanh thu khác		
Cộng	382,016,656,285	354,202,690,826

2. Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
Giá vốn bán thành phẩm	218,519,751,808	204,319,459,366
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	986,251,345	
Giá vốn bán hàng hóa	121,249,589,061	120,342,892,404
Tổng cộng	340,755,592,214	324,662,351,770

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	313,853,643	194,636,925
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ		
Tổng cộng	313,853,643	194,636,925

4. Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
Chi phí lãi vay	9,945,650,858	6,817,772,877
Chi phí tài chính khác	837,784,107	401,697,156
Tổng cộng	10,783,434,965	7,219,470,033

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

5. Thu nhập khác

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
Thu từ bồi thường bảo hiểm		0
Thanh lý tài sản	8,797,222,639	4,561,644,000
Thu phạt nhân viên		
Thu nhập khác		259,091,601
Tổng cộng	8,797,222,639	4,820,735,601

6. Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
Thanh lý tài sản	8,540,961,748	4,251,978,000
Chi phí khác		94,880,062
Tổng cộng	8,540,961,748	4,346,858,062

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	1,501,236,547	1,496,908,309
Chi phí vật liệu quản lý	31,427,355	
Chi phí đồ dùng văn phòng	21,226,530	3,471,876
Chi phí khấu hao TSCĐ	724,393,621	627,862,768
Chi phí bảo hành	50,102,444	6,105,659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215,437,779	182,824,131
Chi phí bằng tiền khác	250,374,684	988,252,615
Cộng	2,794,198,960	3,305,425,358
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên	2,153,916,259	2,252,247,605
Chi phí vật liệu, bao bì	44,578,421	3,346,968
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	260,297,452	132,553,889
Chi phí khấu hao TSCĐ	315,212,656	411,722,896
Thuế, phí và lệ phí	145,254,865	10,500,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337,806,075	-285,000,000
Chi phí bằng tiền khác	1,715,420,354	2,439,483,374
Cộng	4,972,486,082	4,964,854,732

*c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/03/2018

9. - Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20,471,518,888	13,073,155,428
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20,471,518,888	13,073,155,428
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	49,327,885	41,884,489
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	415	312

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

	Q1/2018	Q1/2017
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	253,671,280,543	204,570,807,791
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	253,671,280,543	204,570,807,791
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		0
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường		
Tiền trả nợ thuê tài chính		

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huyền Trang

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Bá Hùng